

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **363/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: **23/12/2024.**

V/v tranh chấp: **xin ly hôn.**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lê Văn Chính**
2. Bà **Nguyễn Thị Nhàn**

- Thư ký phiên tòa: ông **Lương Huỳnh Phúc Tài**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên Tòa: ông **Nguyễn Văn Quý** - Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2024/QĐST- HNGĐ ngày 05/12/2024 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà **LÊ THỊ THU H** - sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, Tiền Giang.

\* Bị đơn: Ông **NGUYỄN VĂN L** - sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, Tiền Giang

*(Các đương sự có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Thu H trình bày: bà và ông Nguyễn Văn L cưới nhau năm 2009, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau khi cưới bà và ông L sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do ông L ghen tuông vô cớ, sau đó vợ chồng hàn gắn tình cảm, đến tháng 9/2024 thì vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn do bà mâu thuẫn với em chồng, ông L

không bên vực còn kiếm chuyện với bà. Hiện vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Nay bà H yêu cầu xin ly hôn với ông L.

- Về con chung: có 2 cháu tên Nguyễn Lê Thanh T – sinh ngày 19/01/2010 và Nguyễn Lê Minh L1 – sinh ngày 02/5/2016. Hiện hai cháu T và cháu L1 đang sống với vợ chồng bà. Nếu ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu T và L1. Yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

\* Tại văn bản lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: ông và bà Lê Thị Thu H cưới nhau năm 2009, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau khi cưới ông và bà H sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện vợ chồng vẫn sống chung nhà. Nay bà H yêu cầu xin ly hôn với ông L, phía ông L không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 2 cháu tên Nguyễn Lê Thanh T – sinh ngày 19/01/2010 và Nguyễn Lê Minh L1 – sinh ngày 02/5/2016. Hiện hai cháu T và cháu L1 đang sống với vợ chồng ông. Nếu ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng Nguyễn Lê Thanh T, để bà H nuôi dưỡng cháu L1. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

#### **Tại phiên tòa hôm nay:**

Nguyên đơn bà Lê Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn L; về con chung: bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 2 cháu Nguyễn Lê Thanh T – sinh ngày 19/01/2010 và Nguyễn Lê Minh L1 – sinh ngày 02/5/2016, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Thu H; về con chung: ông đồng ý để bà H được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu T và L1, ông L không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thu H ; về con chung: giao cho bà Lê Thị Thu H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu tên Nguyễn Lê Thanh T – sinh ngày 19/01/2010 và Nguyễn Lê Minh L1 – sinh ngày 02/5/2016, ông Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thu H là có cơ sở. Vì bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L cưới nhau vào năm 2009, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L số 98 ngày 24/6/2009. Sau khi cưới bà H và ông L sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện bà H và ông L vẫn sống chung nhà, nhưng bà H và ông L vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông L đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa, ông L cũng đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông L là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: tại phiên tòa bà H và ông L thống nhất để bà H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Lê Thanh T – sinh ngày 19/01/2010 và Nguyễn Lê Minh L1 – sinh ngày 02/5/2016. Xét sự thỏa thuận của bà H và ông L là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cháu L1, đồng thời phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: bà H và ông L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, nếu sau này bà H và ông L có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: do bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 235 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thu H.

Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L.

- Về con chung: giao cho và Lê Thị Thu H được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Lê Thanh T– sinh ngày 19/01/2010 và Nguyễn Lê Minh L1 – sinh ngày 02/5/2016 cho đến khi hai cháu T và L1 đủ 18 tuổi, lao động được. Ông Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Văn L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về án phí: bà Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0009768 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy bà H đã nộp xong án phí.

Báo các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã L
- Các đương sự.

**Nguyễn Văn Tuấn Anh**